

Bản án số: **03/2019/HNGĐ- ST**

Ngày: 28 - 02 - 2018

“*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Quýnh** và bà **Nguyễn Ái Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Hà**, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Cao Đức Hùng** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Nh**, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Anh **Hoàng Văn H**, sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Thôn N, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Nh trình bày:

- Về tình cảm: Chị Bùi Thị Nh và anh Hoàng Văn H chung sống với nhau từ năm 1995, trên cơ sở tự nguyện nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng liên tục từ đó cho đến nay. Thời gian đầu, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H sa đà vào việc sử dụng rượu bia một cách thái quá, không quan tâm gì đến gia đình và thường xuyên cư xử thiếu tôn trọng chị Nh. Hơn thế, anh H còn ngược đãi chị Nh như: chửi bới, xúc phạm, đánh đập. Thực trạng cuộc sống giữa anh chị như trên đã kéo dài trong nhiều năm nay. Năm 2010, anh chị đã từng nói chuyện với nhau để tìm cách

khắc phục, hàn gắn tình cảm nhưng cả hai vẫn không thể có được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không cải thiện được dẫn đến anh chị thường xuyên xảy ra xô sát, bất hòa. Nay, chị Nh đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nh và anh H là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 04 con chung là: Hoàng Tiến Đ, sinh ngày 26/01/1996; Hoàng Văn Q, sinh ngày 10/8/1997; Hoàng Văn Ph, sinh ngày 27/01/2000 và Hoàng Linh Ch, sinh ngày 31/5/2008. Hiện các con chung: Hoàng Tiến Đ, Hoàng Văn Q và Hoàng Văn Ph đều đã thành niên nên chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Hoàng Linh Ch chưa thành niên, chị Nh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: không có.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn H thể hiện:*

- Về tình cảm: anh H có lời khai về thời điểm anh và chị Bùi Thị Nh chung sống như vợ chồng, về việc anh chị không thực việc đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật như lời khai của chị Nh nêu trên. Quá trình chung sống anh chị Hòa thuận hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian vài năm trở lại đây thì anh chị thường xảy ra to tiếng với nhau. Nguyên nhân là do chị Nh thỉnh thoảng đi chơi với bạn bè không quan tâm đến gia đình. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, hai bên cũng đã nói chuyện với nhau nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Nh vẫn không thay đổi lối sống đó. Tuy nhiên, vì mong muốn đoàn tụ gia đình để không làm ảnh hưởng đến các con chung, anh H đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Nh.

- Về con chung: anh H có lời khai về tên, tuổi các con chung như lời khai của chị Nh nêu trên. Nếu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nh thì anh H nhất trí với quan điểm của chị Nh về người trực tiếp nuôi con và về vấn đề về cấp dưỡng nuôi con chung như lời khai của chị Nh nêu trên.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh H có quan điểm như lời khai của chị Nh nêu trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/01/2019 thể hiện: con chung Hoàng Linh Ch có nguyện vọng được chị Bùi Thị Nh là người trực tiếp nuôi dưỡng.

** Tại biên bản xác minh ngày 21/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: anh chị H - Nh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật. Quá trình chung sống tại địa phương, anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa, to tiếng, đánh cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do cách cư xử của cả hai bên và họ đều không có ý thức trong việc khắc phục mâu thuẫn gia đình. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.*

Quá trình giải quyết vụ án chị Nh đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi

kiện gồm: Sổ hộ khẩu (01 bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (01 bản sao); Căn cước công dân (01 bản sao); Giấy khai sinh (04 bản sao); Phiếu chuyển phát nhanh EMS (01 bản chính); Đơn đề nghị (01 bản chính); Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (01 bản chính).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh, được đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo đúng quy định Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình tố tụng đã được đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng các Điều: 14, 15, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Nh về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”.

+ Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị Nh và anh Hoàng Văn Hòa là quan hệ vợ chồng.

+ Về con chung: Giao con chung Hoàng Linh Ch, sinh ngày 31/5/2008 cho chị Nh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập. Các con chung: Hoàng Tiến Đ, Hoàng Văn Q và Hoàng Văn Ph đều đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Về tài sản chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

+ Về khoản nợ chung: các đương sự đều trình bày không có, nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Nh về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án qui định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố M tiến hành thụ lý, giải quyết

vụ án đảm bảo đúng qui định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 28/01/2019, bị đơn Hoàng Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Nh thấy:

- Về tình cảm: căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh nêu trên có đủ cơ sở xác định: Chị Nh và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đảm bảo việc đăng ký kết hôn theo đúng qui định của pháp luật.

Tại Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 qui định:

"3.

b, Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các qui định về hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...."

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."

Đối chiếu với các qui định trên thấy rằng quan hệ giữa chị Nh và anh H như nêu trên không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Nh.

- Về con chung: Căn cứ vào lời khai của chị Nh và anh H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định anh chị có 04 con chung, tên, tuổi như nêu ở phần trên.

Đối với con chung Hoàng Linh Ch là người chưa thành niên, chị Nh và anh H thống nhất: chị Nh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp với qui định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần ghi nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Đối với các con chung: Hoàng Tiến Đ, Hoàng Văn Q và Hoàng Văn Ph đều đã thành niên, chị Nh và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- Về tài sản chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập

- Về khoản nợ chung: các đương sự đều trình bày không có, nên không đề cập.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nên cần buộc chị Nh phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 14, 15, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Nh về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”.

- Về tình cảm: Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị Nh và anh Hoàng Văn Hòa là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Nh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Hoàng Linh Ch cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc chị Bùi Thị Nh phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) chị Nh đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0001485 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, Quảng Ninh. Chị Nh đã nộp đủ số tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Nh có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Văn H vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. M;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. M;
- UBND xã V, TP. M;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*đã ký*)

Trần Thị Hồng